

Số: 72/2019/QĐST-HNGĐ

A, ngày 04 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Nguyễn Đức T, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố H và chị Bùi Thị T, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố H vào ngày 01 tháng 11 năm 2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường hay nghi ngờ nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng, nặng nề. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T có hai con chung là Nguyễn Việt T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2010 và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2012. Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T thỏa thuận giao cho anh Nguyễn Đức T nuôi cả 2 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận

của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T thỏa thuận anh Nguyễn Đức T nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 4 năm 2019 và đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T ngày 26 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con là Nguyễn Việt T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2010 và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2012 cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc chị Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức T nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền anh Nguyễn Đức T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017189 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố H. Anh Nguyễn Đức T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hải